

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HS-ST

Ngày 14/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kiên và ông Quách Đình Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2020/TLST - HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

BÙI THANH T(tên gọi khác: N), sinh ngày 04/3/1996 tại Gia Lai; nơi cư trú: Số 116 đường TBH, tổ 06, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh S, sinh năm 1962 và bà Ngô Thị C, sinh năm 1967; bị cáo có vợ tên Nguyễn Trương Hải Y và 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân xấu:

- Ngày 29/5/2013 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 08 tháng tù về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 75/2013/HSST; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 06/8/2013, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 14/8/2014 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 109/2014/HSST. Ngày 26/8/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 20 tháng tù, về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 118/2014/HSST;

chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 31/01/2017, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2020; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

-*Người bị hại:* Bà R'Mah X, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn PR, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Nguyễn Trương Vi A, sinh năm 1994; địa chỉ: 196 LTT, tổ 10, phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2/ Chị Nguyễn Trương Hải Y, sinh năm 1998; địa chỉ: 116 TBH, tổ 06, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Đinh Quang T, sinh năm 1982; địa chỉ: 37 TQC, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh T là người đã bị kết án về các tội: “*Trộm cắp tài sản*”, “*Cướp giật tài sản*” và đã được xóa án tích. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/3/2020, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 81B2-693.25 lưu thông trên đường TQC, phường YĐ, thành phố P, hướng từ đường Tô Hiến Thành đi đường Lê Thị Hồng Gấm. Khi T đi đến gần ngã tư đường Trần Quý Cáp và đường Lê Thị Hồng Gấm, thì có bà R'Mah X một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe Attila, biển số 81K8-2969 lưu thông theo hướng ngược lại; T phát hiện thấy trên cổ bà X có đeo dây chuyền vàng, nên nảy sinh ý định cướp giật dây chuyền của bà X để bán lấy tiền tiêu xài. Do sợ bị phát hiện biển số xe mô tô, nên T gỡ một miếng băng keo màu xanh của tờ quảng cáo rao vặt dán trên trụ điện bên lề đường, dán vào biển số xe mô tô của mình để che khuất số 9, rồi điều khiển xe mô tô đuổi theo xe của bà X. Khi đến đoạn trước số nhà 189 đường TQC, thành phố P, thì T đuổi kịp bà X; Tái điều khiển xe mô tô 81B2-693.25 vượt lên, áp sát vào bên phải xe mô tô của bà X, rồi dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền vàng bà X đang đeo trên cổ. Khi T giật sợi dây chuyền, thì xe mô tô của bà X và xe mô tô 81B2-693.25 của T va chạm vào nhau, làm cả hai xe cùng ngã xuống đường; sợi dây chuyền vàng mà T vừa giật được của bà X bị đứt, tuột khỏi tay T và rơi xuống mặt đường. Bà X tri hô: “*Cướp, cướp*”; T đứng lên định bỏ chạy. Lúc T thực hiện hành vi giật dây chuyền của bà X, thì có anh Đinh Quang T điều khiển xe ô tô lưu thông phía sau cùng chiều trên đường TQC nhìn thấy; khi T đứng lên định bỏ chạy thì bị anh Đinh Quang T xuống xe

giữ lại. Ngay sau đó, bà X báo cáo Công an phường YĐ đến làm việc và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T; cơ quan Công an thu giữ 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 45,5cm, hình xoắn xích, mỗi nối bị đứt, kèm theo 01 mặt dây chuyền hình vuông bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng, kích thước (02x03)cm, có móc để đeo vào dây chuyền và thu giữ xe mô tô biển số 81B2-693.25 của T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiến hành trưng cầu giám định kim loại, tại Kết luận giám định số 309/C09C(Đ4) ngày 14/4/2020 của Phân Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu vàng gồm nhiều mắt xích nối với nhau, có chiều dài 45,5cm, móc đeo đã bị gãy gửi mẫu giám định có kim loại vàng (Au), hàm lượng vàng 60,80%; khối lượng là 10,33gam; 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng hình chữ nhật trên có đính các hạt không màu, tại móc đeo có dập chữ “KL” gửi giám định có kim loại vàng (Au), hàm lượng vàng 57,12%. Tổng khối lượng là 2,55gam (tính cả các hạt không màu).

Sau đó tiếp tục trưng cầu định giá, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Tại thời điểm bị Bùi Thanh T chiếm đoạt, dây chuyền và mặt dây chuyền bằng vàng của bà R'Mah X có tổng trị giá 9.211.000 (chín triệu hai trăm mười một nghìn) đồng.

Tại bản cáo trạng số 109/CT – VKS ngày 30 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Bùi Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về Kết luận giám định của Phân Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng và Kết luận V/v định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Bùi Thanh T về tội “*Cướp giật tài sản*”; không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/3/2020 tại đường TQC đoạn trước số nhà 189, thuộc thôn PR, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Bùi Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 81B2-693.25 áp sát bên phải xe mô tô biển số 81K8-2969 do bà R'Mah X đang điều khiển, dùng tay trái giật sợi dây chuyền và mặt dây chuyền bằng kim loại vàng bà X đang đeo trên cổ có tổng trị giá 9.211.000 (chín triệu hai trăm mười một nghìn) đồng. Do va chạm, T bị ngã và bị bắt quả tang cùng vật chứng; xe mô tô biển số 81B2-693.25 cũng bị thu giữ.

Tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm”

Theo Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BCA – BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001: Dùng thủ đoạn nguy hiểm được xác định là dùng thủ đoạn để cướp giật tài sản mà nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại hoặc của người khác như dùng xe mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản; cướp giật tài sản của người đang đi mô tô, xe máy...

Như vậy hành vi dùng xe mô tô để giật tài sản của bị hại sau đó nhanh chóng tẩu thoát của bị cáo Bùi Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Cướp giật tài sản”* theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện rất nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ. Liên tiếp từ năm 2013 bị cáo chấp hành hình phạt tù của 03 bản án đều về các tội xâm phạm sở hữu trong đó có *“Cướp giật tài sản”*, bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện ý chí, khả năng tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân kém. Do đó cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo coi đây là bài học cảnh tỉnh, răn đe bản thân thành người công dân có ích cho xã hội.

Tuy bị cáo có 03 tiền án về tội xâm phạm sở hữu nhưng đã được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói trên để giảm nhẹ hình phạt của bị cáo khi quyết định.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại R'Mah X đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển số 81B2-693.25 mà Bùi Thanh T sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi cướp giật dây chuyền của bà R'Mah X, qua điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Trương Vi A, là chị vợ của T. Chị A cho T và chị Nguyễn Trương Hải Y (em gái – vợ của T) mượn xe trên để đi công việc; việc T sử dụng xe làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác, thì chị A và chị Y không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra xử lý trả lại xe mô tô 81B2-693.25 cho chị A là có cơ sở.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Thanh T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “***Cướp giật tài sản***”

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/3/2020.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Thanh T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA